

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG THỊNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHĨA MINH

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN
MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH HỌC TỐT MÔN TỰ NHIÊN
VÀ XÃ HỘI LỚP 3 CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018
THEO HƯỚNG ỨNG DỤNG, TRẢI NGHIỆM, SÁNG TẠO

Tác giả: Vũ Thị Hương

Trình độ chuyên môn: Đại học

Chức vụ: Giáo viên

Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Nghĩa Minh

Đồng Thịnh ngày 18 tháng 05 năm 2026

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên sáng kiến: “Một số biện pháp giúp học sinh học tốt môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo hướng ứng dụng, trải nghiệm, sáng tạo”

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Tự nhiên và Xã hội

3. Thời gian áp dụng hoặc áp dụng thử của sáng kiến:

Từ tháng 09 năm 2025 đến nay

4. Tác giả:

Họ và tên: Vũ Thị Hương

Ngày, tháng, năm sinh: 26/09/1995

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên, trường Tiểu học Nghĩa Minh

Điện thoại: 0352686386

5. Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến: 100%

B. PHẦN MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, việc chuyển từ dạy học truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực học sinh là yêu cầu cấp thiết đối với mỗi giáo viên. Môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học, giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành những hiểu biết ban đầu về thế giới xung quanh, đồng thời rèn luyện cho học sinh các kỹ năng quan sát, tư duy, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy hiện nay cho thấy nhiều học sinh còn học tập thụ động, thiếu hứng thú, chưa biết vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống. Bên cạnh đó, việc tổ chức dạy học theo hướng ứng dụng, trải nghiệm, sáng tạo tuy đã được quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao, chưa phát huy hết vai trò chủ thể của học sinh. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội là hết sức cần thiết và mang tính cấp bách.

Sáng kiến được thực hiện tại Trường Tiểu học Nghĩa Minh trong năm học 2025–2026, trên đối tượng học sinh lớp 3. Nhà trường có cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học, giáo viên được tập huấn chương trình mới, tuy nhiên trong quá trình triển khai vẫn còn những hạn chế nhất định. Học sinh còn phụ

thuộc vào sách giáo khoa, mức độ hứng thú với môn học chưa cao; giáo viên đôi khi chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp, việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ứng dụng thực tiễn còn gặp khó khăn. Từ thực trạng đó, sáng kiến tập trung nghiên cứu, đề xuất các biện pháp dạy học theo hướng ứng dụng, trải nghiệm, sáng tạo nhằm khắc phục những hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

C. PHẦN NỘI DUNG

I. Mô tả giải pháp đã biết

1. Thực trạng

Việc dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 hiện nay chủ yếu được thực hiện theo phương pháp truyền thống kết hợp một số yếu tố đổi mới nhưng chưa đồng bộ. Nội dung bài học chủ yếu được khai thác từ sách giáo khoa và tranh ảnh minh họa sẵn có; học sinh tiếp nhận kiến thức qua nghe giảng, quan sát và trả lời câu hỏi. Một số tiết học có sử dụng trình chiếu hoặc video minh họa, song còn mang tính hỗ trợ, chưa thực sự trở thành công cụ tổ chức hoạt động học tập cho học sinh.

Việc tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh như thảo luận nhóm, trò chơi học tập, thực hành thí nghiệm đơn giản... đã được thực hiện nhưng chưa triệt để. Các hoạt động trải nghiệm ngoài lớp học, hoạt động gắn với thực tiễn địa phương đã được triển khai nhưng còn nhiều hạn chế về thời gian, điều kiện tổ chức và sự phối hợp với phụ huynh. Phương pháp dạy học STEM, dạy học theo định hướng phát triển năng lực mới chỉ dừng ở mức tiếp cận, chưa được áp dụng rộng rãi.

2. Ưu điểm của giải pháp cũ

- Đảm bảo truyền đạt đầy đủ nội dung kiến thức theo chương trình, giúp giáo viên dễ kiểm soát tiến độ dạy học.
- Phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và năng lực tổ chức của đa số giáo viên.
- Học sinh nắm được kiến thức cơ bản, đáp ứng yêu cầu tối thiểu của bài học.

3. Nhược điểm

- Phương pháp dạy học còn thiên về truyền thụ kiến thức, chưa phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh.
- Học sinh tiếp thu kiến thức một cách thụ động, ghi nhớ máy móc, khả năng vận dụng vào thực tiễn còn hạn chế.
- Mức độ hứng thú học tập chưa cao, nhiều em chưa nhận thức rõ vai trò của môn học.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số còn đơn giản, chưa khai thác hết tiềm năng.
- Các hoạt động trải nghiệm, thực hành, khám phá thực tế còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

4. Thuận lợi

- Nhà trường có cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học.
- Giáo viên đã được tiếp cận và tập huấn chương trình mới, có ý thức đổi mới.
- Nguồn học liệu, tài nguyên số ngày càng phong phú, dễ tiếp cận.

5. Khó khăn

- Một số giáo viên còn hạn chế về kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, ứng dụng công nghệ.
- Việc tổ chức hoạt động ngoài lớp học gặp khó khăn về thời gian, kinh phí và sự phối hợp của phụ huynh.
- Học sinh còn nhỏ, vốn sống hạn chế, chưa quen với phương pháp học tập tích cực.
- Phụ huynh chưa thực sự quan tâm đúng mức đến việc học môn Tự nhiên và Xã hội.

6. Nguyên nhân của những hạn chế

- Tư duy dạy học theo lối cũ vẫn còn tồn tại, giáo viên chưa mạnh dạn đổi mới.
- Điều kiện tổ chức các hoạt động trải nghiệm còn hạn chế.
- Nhận thức của học sinh và phụ huynh về vai trò của môn học chưa

đầy đủ.

- Việc khai thác học liệu số và thiết bị dạy học chưa hiệu quả.

* Từ thực trạng và những hạn chế trên, đòi hỏi cần có những giải pháp mới mang tính hệ thống, đồng bộ, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ứng dụng, trải nghiệm và sáng tạo nhằm nâng cao hứng thú, phát huy năng lực học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Với các lí do đó tôi mạnh dạn chọn sáng kiến “Một số biện pháp giúp học sinh học tốt môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo hướng ứng dụng, trải nghiệm, sáng tạo”

II. Nội dung các giải pháp mới; Tính mới, tính sáng tạo; Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Nội dung các giải pháp mới

1.1. Giải pháp 1: Ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác tối đa học liệu điện tử giúp học sinh tăng cường ứng dụng, trải nghiệm và sáng tạo.

a. Nội dung của giải pháp

Trong quá trình giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, tôi nhận thấy nếu chỉ sử dụng tranh ảnh trong sách giáo khoa, phương pháp thuyết trình hoặc hỏi đáp truyền thống thì học sinh tiếp thu kiến thức còn thụ động, khó hình dung những nội dung mang tính trừu tượng như cơ quan bên trong cơ thể người, quá trình sinh trưởng của thực vật, hoạt động của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên,... Điều này dẫn tới tình trạng học sinh nhớ bài máy móc, nhanh quên, ít hứng thú học tập.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác học liệu số trong quá trình dạy học nhằm tạo môi trường học tập trực quan, sinh động, tăng cường tính trải nghiệm và phát huy khả năng sáng tạo của học sinh.

Bản chất của giải pháp là sử dụng các học liệu điện tử như: Sách giáo khoa điện tử, video khoa học, hình ảnh động, trò chơi học tập trực tuyến, bài tập tương tác, phần mềm hỗ trợ học tập, nguồn tài nguyên giáo dục trên Internet. Để tổ chức

các hoạt động khám phá, trải nghiệm, tương tác và vận dụng kiến thức cho học sinh trong từng bài học.

Thông qua các hoạt động này, học sinh không chỉ được “nghe” mà còn được: quan sát, thao tác, trải nghiệm, trao đổi, thực hành, khám phá kiến thức bằng nhiều giác quan khác nhau. Qua đó giúp các em chủ động tiếp cận kiến thức, hiểu sâu bản chất vấn đề và phát triển năng lực tự học, năng lực công nghệ, kỹ năng hợp tác và sáng tạo.

b. Các bước thực hiện giải pháp

Bước 1. Nghiên cứu nội dung bài học và lựa chọn học liệu phù hợp

Trước mỗi bài dạy, tôi nghiên cứu kỹ nội dung kiến thức để xác định:

- Nội dung nào mang tính trừu tượng;
- Nội dung nào cần hình ảnh trực quan;
- Nội dung nào phù hợp tổ chức trải nghiệm bằng học liệu số.

Từ đó tôi lựa chọn các học liệu phù hợp với đối tượng học sinh lớp 3 như: Video ngắn, hình ảnh sinh động, trò chơi tương tác, bài tập kéo thả, sơ đồ động, hoạt hình khoa học. Các học liệu được lựa chọn đảm bảo:

- Nội dung chính xác;
- Phù hợp tâm lý lứa tuổi;
- Thời lượng ngắn gọn;
- Dễ quan sát;
- Tạo hứng thú học tập.

Bước 2. Khai thác sách giáo khoa điện tử và bài tập tương tác

Tôi khai thác hiệu quả sách giáo khoa điện tử của bộ Kết nối tri thức với cuộc sống trên nền tảng [Hành trang số](#).

Trong quá trình giảng dạy, tôi sử dụng: hình ảnh phóng to, sơ đồ động, tranh minh họa, bài tập tương tác, câu hỏi khám phá. Để học sinh trực tiếp quan sát và phát hiện kiến thức.

Ví dụ: Khi dạy bài “Cơ quan tiêu hóa”, thay vì chỉ yêu cầu học sinh quan sát tranh tĩnh trong sách giấy, tôi cho học sinh quan sát sơ đồ điện tử về đường đi của thức ăn trong cơ thể người. Học sinh được chỉ trực tiếp từng bộ phận trên màn

hình, thảo luận chức năng của từng cơ quan và mô tả quá trình tiêu hóa thức ăn. Nhờ đó, học sinh: hiểu bài nhanh hơn, ghi nhớ lâu hơn, mạnh dạn trao đổi ý kiến, hạn chế học thuộc lòng máy móc.

Ngoài ra, tôi còn sử dụng các bài tập điện tử dưới dạng: kéo thả, nối, điền khuyết, lựa chọn đáp án, trò chơi học tập. Các bài tập này tạo cho học sinh cảm giác “học mà chơi – chơi mà học”, giúp tiết học sôi nổi và tăng sự tự tin cho học sinh khi tham gia hoạt động học tập.

Bước 3. Ứng dụng video trực quan và học liệu số trong dạy học

Tôi sử dụng các video giáo dục phù hợp trên nền tảng [YouTube](#) nhằm giúp học sinh được trải nghiệm kiến thức bằng hình ảnh và âm thanh trực quan.

Ví dụ: Trong bài “Chức năng một số bộ phận của thực vật”, tôi sử dụng video hoạt hình mô tả: rễ hút nước, thân vận chuyển chất dinh dưỡng, lá quang hợp, hoa tạo quả.

Khi xem video, học sinh được trực tiếp quan sát hoạt động của từng bộ phận thay vì chỉ tưởng tượng qua lời giảng.

Đặc biệt, với nội dung về chức năng của lá cây – một kiến thức khó và trừu tượng đối với học sinh lớp 3 – tôi cho học sinh xem video mô phỏng quá trình quang hợp và thoát hơi nước của lá cây. Sau đó học sinh thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ hoặc trình bày lại bằng ngôn ngữ của mình.

Qua hoạt động này, giúp học sinh: hứng thú học tập hơn, hiểu được bản chất kiến thức, phát triển năng lực quan sát và trình bày.

Bước 4. Tổ chức cho học sinh trải nghiệm và sáng tạo sản phẩm học tập

Sau khi khai thác học liệu số, tôi tổ chức cho học sinh vận dụng kiến thức bằng nhiều hình thức như: vẽ sơ đồ tư duy, thiết kế poster, làm phiếu học tập, trò chơi nhóm, đóng vai, thuyết trình ngắn, chia sẻ hiểu biết thực tế.

Ví dụ: Sau bài học về thực vật, học sinh được giao nhiệm vụ:

- Chụp ảnh cây quanh nhà;
- Xác định các bộ phận;
- Ghi chú chức năng;
- Chia sẻ với nhóm học tập.

Hoạt động này giúp học sinh: Vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tăng khả năng quan sát, phát triển tính sáng tạo, tăng hứng thú học tập.

c) Nội dung cải tiến và tính sáng tạo của giải pháp

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, trải nghiệm của học sinh.
- Biến kiến thức trừu tượng thành hình ảnh trực quan, sinh động;
- Tăng cường sự tương tác giữa học sinh với học liệu;
- Tạo cơ hội cho học sinh được học qua quan sát, thao tác và thực hành;
- Kết hợp giáo dục kỹ năng sử dụng công nghệ và kỹ năng công dân số phù hợp với lứa tuổi;
- Khuyến khích học sinh tạo ra sản phẩm học tập sáng tạo thay vì chỉ ghi nhớ kiến thức.

Giải pháp còn giúp giáo viên đổi mới hình thức tổ chức dạy học, tăng tính hấp dẫn cho tiết học và phù hợp với định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

d) Vai trò, tác dụng và hiệu quả của giải pháp

- Không khí lớp học sôi nổi hơn;
- Học sinh tích cực tham gia hoạt động học tập;
- Các em mạnh dạn trao đổi, hợp tác và chia sẻ ý kiến;
- Học sinh hiểu bài sâu, hạn chế học vẹt;
- Học sinh yêu thích môn học hơn;
- Kỹ năng sử dụng công nghệ phục vụ học tập của học sinh được nâng cao.
- Đặc biệt, nhiều học sinh trước đây còn rụt rè, ít tham gia phát biểu thì nay đã chủ động tham gia các hoạt động trải nghiệm và tự tin trình bày ý tưởng của mình.

e) Tính ưu việt của giải pháp mới so với giải pháp cũ

Giải pháp cũ	Giải pháp mới
Học sinh tiếp thu kiến thức thụ động	Học sinh được trực tiếp khám phá và trải nghiệm
Kiến thức khó hình dung, dễ quên	Kiến thức trực quan, sinh động, dễ ghi

	nhớ
Chủ yếu sử dụng tranh ảnh tĩnh	Kết hợp video, hình ảnh động, trò chơi tương tác
Học sinh ít được tương tác	Học sinh được tham gia nhiều hoạt động thực hành
Ít phát huy tính sáng tạo	Khuyến khích học sinh tạo sản phẩm học tập
Tiết học dễ nhàm chán	Tiết học sôi nổi, hấp dẫn và gần gũi
Chưa hình thành kỹ năng công nghệ	Bước đầu phát triển kỹ năng học tập số và công dân số

1.2. Giải pháp 2: Sử dụng không gian ngoài lớp học để tăng cường ứng dụng, trải nghiệm cho học sinh khi dạy và học Tự nhiên và Xã hội lớp 3.

a) Nội dung của giải pháp

Trong quá trình dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, tôi nhận thấy nếu học sinh chỉ tiếp cận kiến thức trong phạm vi lớp học với tranh ảnh và lời giảng của giáo viên thì nhiều nội dung còn mang tính khô khan, thiếu thực tế, học sinh khó hình dung và nhanh quên kiến thức. Đặc biệt, với những nội dung liên quan đến thiên nhiên, môi trường, thực vật, động vật, hoạt động sống của con người,... việc chỉ học trong lớp chưa phát huy được khả năng quan sát, trải nghiệm và khám phá vốn có của học sinh tiểu học.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã tổ chức các hoạt động dạy học ngoài không gian lớp học nhằm đưa học sinh đến gần hơn với môi trường thực tế. Bản chất của giải pháp là chuyển một phần không gian học tập từ lớp học truyền thống sang môi trường thực tiễn như: Sân trường, vườn trường, khuôn viên cây xanh, khu vực xung quanh trường, góc trải nghiệm thiên nhiên, địa điểm thực tế phù hợp với nội dung bài học.

Thông qua hoạt động trải nghiệm trực tiếp, học sinh được: Quan sát vật thật, tiếp xúc với môi trường thật, khám phá hiện tượng thực tế, thảo luận, thực hành, vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Từ đó giúp học sinh hình thành kiến thức một cách tự nhiên, sinh động và bền vững hơn.

Giải pháp không chỉ giúp học sinh “học kiến thức” mà còn giúp các em: Phát triển kỹ năng quan sát, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, hình thành tình yêu thiên nhiên, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, phát triển phẩm chất và năng lực theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

b) Các bước thực hiện giải pháp

Bước 1. Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học ngoài không gian lớp học

Trước mỗi bài học, tôi nghiên cứu kỹ nội dung chương trình để lựa chọn những bài phù hợp tổ chức ngoài lớp học. Tôi xác định rõ: Mục tiêu bài học, yêu cầu cần đạt, địa điểm tổ chức, hình thức hoạt động, nhiệm vụ học tập, sản phẩm học sinh cần hoàn thành.

Đồng thời tôi chuẩn bị: Phiếu quan sát, câu hỏi gợi mở, đồ dùng học tập, nhiệm vụ trải nghiệm, phương án đảm bảo an toàn cho học sinh.

Các hoạt động được thiết kế phù hợp với đặc điểm tâm lí học sinh lớp 3: Ngắn gọn, sinh động, dễ thực hiện, tăng cơ hội trải nghiệm trực tiếp.

Bước 2. Tổ chức học tập trải nghiệm gắn với thực tiễn

Trong quá trình tổ chức, tôi hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động khám phá theo nhóm hoặc cá nhân. Tiến trình hoạt động thường được thực hiện như sau:

- Giáo viên giao nhiệm vụ trải nghiệm: Giáo viên nêu vấn đề hoặc tình huống học tập gắn với thực tế để học sinh quan sát và khám phá.

Ví dụ:

- + Quan sát đặc điểm của cây trong sân trường;
- + Tìm hiểu môi trường sống của động vật;
- + Nhận biết các khu vực sạch và chưa sạch trong trường học;
- + Quan sát sự thay đổi của thời tiết.

- Học sinh được trực tiếp: Nhìn, nghe, chạm, ghi chép, trao đổi, thu thập thông tin.

Ví dụ: Khi dạy bài “Chức năng một số bộ phận của thực vật”, tôi tổ chức cho học sinh ra khu vực vườn trường để quan sát cây thật. Học sinh trực tiếp:

- + Quan sát rễ, thân, lá, hoa;

- + Sờ vào thân cây;
- + Nhận xét màu sắc, hình dạng lá;
- + Thảo luận chức năng từng bộ phận.

Qua hoạt động này, học sinh không còn học kiến thức một cách máy móc mà được “học từ thực tế”.

Giáo viên đóng vai trò định hướng, hỗ trợ và khuyến khích học sinh mạnh dạn trình bày ý kiến.

Ví dụ: Khi học bài “Giữ vệ sinh môi trường”, học sinh tham gia trải nghiệm thực tế tại sân trường để nhận biết khu vực sạch, khu vực chưa đảm bảo vệ sinh và trao đổi về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.

Sau đó các nhóm đề xuất: Cách giữ gìn vệ sinh trường lớp, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Học sinh vận dụng và sáng tạo sản phẩm học tập.

Sau hoạt động trải nghiệm, học sinh được vận dụng kiến thức bằng nhiều hình thức: vẽ tranh, làm poster, viết thông điệp, trình bày sơ đồ, đóng vai, báo cáo kết quả quan sát.

Ví dụ: Sau bài học về môi trường, học sinh thiết kế poster:

“Hãy bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp”.

Qua đó học sinh được phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Bước 3. Tổng kết và mở rộng

Cuối hoạt động, giáo viên cùng học sinh: Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học, liên hệ thực tế cuộc sống.

Đồng thời giáo viên định hướng thêm cho học sinh: Tiếp tục quan sát tại nhà, tìm hiểu môi trường xung quanh, thực hiện các hành động bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống.

c) Nội dung cải tiến và tính sáng tạo của giải pháp

- Chuyển từ học tập thụ động sang học tập trải nghiệm thực tế;
- Đưa học sinh ra khỏi không gian lớp học để tiếp cận môi trường thật;
- Tăng cường hoạt động quan sát, khám phá và vận dụng;

- Học sinh được “học qua hành động” thay vì chỉ nghe giảng;
- Tạo cơ hội cho học sinh phát triển kỹ năng sống và kỹ năng hợp tác;
- Gắn kiến thức bài học với thực tiễn địa phương và cuộc sống hằng ngày;
- Đặc biệt, giải pháp giúp xây dựng môi trường học tập mở, thân thiện, gần gũi thiên nhiên, phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học.

d) Vai trò, tác dụng và hiệu quả của giải pháp

- Học sinh hứng thú hơn với môn học;
- Các em mạnh dạn tham gia hoạt động;
- Không khí học tập sôi nổi, tự nhiên;
- Học sinh hiểu bài sâu hơn và ghi nhớ lâu hơn;
- Kỹ năng quan sát, hợp tác và giao tiếp được nâng cao;
- Học sinh có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường và yêu thiên nhiên.
- Đặc biệt, nhiều học sinh trước đây còn rụt rè, ít tham gia phát biểu thì khi được học tập ngoài không gian lớp học đã trở nên tự tin và chủ động hơn. Các em tích cực trao đổi, đặt câu hỏi và biết vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

e) Tính ưu việt của giải pháp mới so với giải pháp cũ

Giải pháp cũ	Giải pháp mới
Học sinh học chủ yếu trong lớp học	Học sinh được trải nghiệm trực tiếp ngoài thực tế
Tiếp nhận kiến thức qua tranh ảnh, lời giảng	Quan sát vật thật, môi trường thật
Học sinh dễ nhàm chán, thụ động	Học sinh tích cực khám phá và tham gia hoạt động
Kiến thức khó gắn với thực tế	Kiến thức gần gũi với cuộc sống
Ít phát triển kỹ năng sống	Phát triển kỹ năng quan sát, hợp tác, giao tiếp
Học sinh nhanh quên kiến thức	Học sinh hiểu sâu và ghi nhớ lâu
Ít cơ hội sáng tạo	Học sinh được tạo sản phẩm và vận dụng thực tiễn

Giải pháp đã góp phần đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng

môn học và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cho học sinh lớp 3 theo định hướng giáo dục hiện nay.

1.3. Giải pháp 3: Nâng cao chất lượng môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 bằng dạy học STEM để giúp học sinh trải nghiệm, sáng tạo.

a) Nội dung của giải pháp

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc dạy học không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức mà cần hướng tới hình thành cho học sinh năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Đặc biệt, dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục cần phát triển cho học sinh các năng lực như: Tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, vận dụng kiến thức liên môn, thích ứng với công nghệ và thực tiễn cuộc sống.

Qua thực tế giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, tôi nhận thấy nếu giáo viên chỉ dạy học theo hình thức truyền thụ kiến thức một chiều thì học sinh dễ học thuộc lòng nhưng khó vận dụng kiến thức vào thực tế. Nhiều em còn thiếu kỹ năng quan sát, thực hành và giải quyết tình huống thực tiễn.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã vận dụng phương pháp dạy học STEM vào quá trình giảng dạy nhằm tạo cơ hội cho học sinh: Được trải nghiệm, được khám phá, được thực hành, được thiết kế sản phẩm, được vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề gần gũi trong cuộc sống.

Bản chất của giải pháp là tổ chức cho học sinh học tập thông qua các nhiệm vụ thực tiễn gắn với nội dung bài học. Trong quá trình đó, học sinh phải huy động kiến thức đã học để: Tìm hiểu vấn đề, đề xuất giải pháp, thiết kế sản phẩm, thử nghiệm, điều chỉnh, đánh giá kết quả.

Thông qua hoạt động STEM, học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển tư duy khoa học, khả năng sáng tạo và kỹ năng thực hành.

b) Các bước thực hiện giải pháp

Bước 1. Lựa chọn chủ đề STEM phù hợp với nội dung bài học

Căn cứ vào nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, tôi lựa chọn các chủ đề gần gũi với học sinh, có khả năng tổ chức hoạt động trải nghiệm và tạo sản phẩm thực hành. Các chủ đề được lựa chọn đảm bảo: Phù hợp lứa tuổi,

gắn với thực tế, dễ tìm nguyên vật liệu, kích thích khả năng khám phá và sáng tạo của học sinh.

Ví dụ: Chế tạo chậu cây tự tưới nước, làm mô hình ngôi nhà an toàn, thiết kế poster bảo vệ môi trường, làm mô hình cơ quan cơ thể người, thiết kế cối xay gió mini, làm dụng cụ lọc nước đơn giản.

Bước 2. Xác định vấn đề thực tiễn cần giải quyết

Sau khi lựa chọn chủ đề, tôi xây dựng các tình huống thực tế để học sinh tìm cách giải quyết.

Ví dụ:

- Làm thế nào để cây vẫn có nước khi em đi vắng?
- Làm thế nào để giữ môi trường lớp học sạch đẹp?
- Làm thế nào để bảo vệ cơ thể khi thời tiết thay đổi?
- Làm thế nào để ngôi nhà an toàn khi trời mưa bão?

Những tình huống này giúp học sinh thấy được ý nghĩa thực tiễn của bài học, từ đó hứng thú và chủ động tham gia hoạt động học tập hơn.

Bước 3. Tổ chức cho học sinh khám phá kiến thức và đề xuất giải pháp

Giáo viên hướng dẫn học sinh: Quan sát, tìm hiểu thông tin, thảo luận nhóm, nghiên cứu sách giáo khoa, xem video minh họa, thực hành trải nghiệm đơn giản.

Từ quá trình khám phá, học sinh tự đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề.

Ví dụ: Trong hoạt động “Làm chậu cây tự tưới nước”, học sinh tìm hiểu: Cây cần gì để sống, vai trò của nước, cách nước thấm qua dây vải.

Sau đó học sinh thảo luận để thiết kế sản phẩm phù hợp.

Ở bước này, giáo viên chỉ đóng vai trò: Định hướng, gợi mở, hỗ trợ. Học sinh là trung tâm của hoạt động học tập.

Bước 4. Tổ chức thiết kế và tạo sản phẩm STEM

Đây là bước học sinh được trực tiếp trải nghiệm và sáng tạo. Học sinh sử dụng các vật liệu gần gũi như: Chai nhựa, giấy bìa, ống hút, que kem, dây vải, hộp giấy, vật liệu tái chế để tạo sản phẩm học tập.

Ví dụ: Trong bài học về thực vật, học sinh thiết kế “chậu cây tự tưới nước” bằng chai nhựa tái chế. Các nhóm: Cắt chai, luồn dây dẫn nước, cho đất và cây

vào chậu, thử nghiệm khả năng hút nước của dây.

Qua hoạt động này, học sinh được: Thực hành, thử sai, điều chỉnh sản phẩm, rèn luyện tính kiên trì và sáng tạo.

Bước 5. Thuyết trình, đánh giá và hoàn thiện sản phẩm

Sau khi hoàn thành sản phẩm, các nhóm: Trình bày ý tưởng, giới thiệu cách thực hiện, chia sẻ kết quả, đánh giá hiệu quả sản phẩm.

Giáo viên và học sinh cùng nhận xét dựa trên các tiêu chí: Tính phù hợp, tính sáng tạo, khả năng vận dụng, hiệu quả thực tế.

Qua hoạt động này, học sinh được phát triển: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, khả năng phản biện, tinh thần hợp tác nhóm.

c) Nội dung cải tiến và tính sáng tạo của giải pháp

- Chuyển từ “học để biết” sang “học để làm”;
- Gắn kiến thức sách giáo khoa với thực tiễn cuộc sống;
- Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm;
- Học sinh được trực tiếp tạo sản phẩm học tập;
- Kết hợp kiến thức liên môn với kỹ năng thực tiễn;
- Khuyến khích học sinh tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề;
- Tạo môi trường học tập tích cực, chủ động và hợp tác.

Đặc biệt, giải pháp STEM giúp học sinh lớp 3 mạnh dạn hơn trong học tập, phát huy được trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo vốn có của lứa tuổi tiểu học.

d) Vai trò, tác dụng và hiệu quả của giải pháp

- Học sinh yêu thích và hào hứng hơn trong giờ học.
- Các em mạnh dạn, tích cực tham gia các hoạt động học tập.
- Học sinh tự giác khám phá và lĩnh hội kiến thức mới.
- Kỹ năng hợp tác và giao tiếp được nâng cao;
- Học sinh biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- Khả năng tư duy sáng tạo và xử lý tình huống của học sinh được nâng cao rõ rệt.

- Đặc biệt, nhiều học sinh trước đây ít tự tin thì khi tham gia các hoạt động STEM đã mạnh dạn hơn trong việc trình bày ý tưởng và chia sẻ sản phẩm của

mình.

Thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế, học sinh hiểu bài sâu hơn, ghi nhớ lâu hơn và yêu thích môn học hơn.

e) Tính ưu việt của giải pháp mới so với giải pháp cũ

Giải pháp cũ	Giải pháp mới
Học sinh tiếp thu kiến thức thụ động	Học sinh chủ động khám phá và sáng tạo
Chủ yếu học lí thuyết	Tăng cường thực hành và trải nghiệm
Ít gắn với thực tế	Gắn chặt với các tình huống đời sống
Học sinh ít cơ hội vận dụng	Học sinh trực tiếp giải quyết vấn đề
Ít phát triển kỹ năng mềm	Phát triển hợp tác, giao tiếp, thuyết trình
Chưa phát huy khả năng sáng tạo	Học sinh được thiết kế và tạo sản phẩm
Tiết học dễ nhàm chán	Tiết học sinh động, hấp dẫn và thực tiễn

1.4. Giải pháp 4: Tạo hứng thú học tập cho học sinh trong các giờ học Tự nhiên xã hội

a) Nội dung của giải pháp

Trong thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy nhiều học sinh lớp 3 còn xem môn Tự nhiên và Xã hội là môn học phụ nên chưa thật sự chú ý học tập. Một số em còn thụ động, thiếu tự tin, chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động học tập. Nếu giáo viên chỉ sử dụng phương pháp giảng giải đơn thuần sẽ dễ tạo cảm giác khô khan, nhàm chán, học sinh nhanh quên kiến thức và ít có cơ hội vận dụng vào thực tế.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã thực hiện giải pháp tạo hứng thú học tập cho học sinh thông qua việc: Đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa hình thức tổ chức, tăng cường trò chơi học tập, tổ chức tình huống có vấn đề, sử dụng thiết bị

trực quan, động viên, khích lệ học sinh kịp thời, tăng cường hoạt động trải nghiệm và ngoại khóa.

Bản chất của giải pháp là tạo môi trường học tập tích cực, thân thiện và hấp dẫn để học sinh được: Tham gia, trải nghiệm, khám phá, thể hiện bản thân, vận dụng kiến thức, phát triển năng lực và phẩm chất. Qua đó giúp học sinh yêu thích môn học, chủ động học tập và phát triển toàn diện theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

b) Các bước thực hiện giải pháp

Bước 1. Giúp học sinh nhận thức được ý nghĩa và vai trò của môn học

Ngay từ đầu năm học, tôi giúp học sinh hiểu: Môn học gắn gũi với cuộc sống, kiến thức có thể vận dụng hằng ngày, môn học giúp các em bảo vệ sức khỏe, môi trường và hiểu thế giới xung quanh. Trong mỗi bài dạy, tôi luôn liên hệ kiến thức với thực tế cuộc sống của học sinh.

Ví dụ: Học về vệ sinh cơ thể gắn với chăm sóc bản thân, học về thực vật gắn với cây trong sân trường và ở nhà, học về môi trường gắn với giữ gìn lớp học sạch đẹp.

Qua đó học sinh nhận thấy môn học có ích và hình thành động cơ học tập đúng đắn ngay từ đầu.

Bước 2. Vận dụng nhiều hình thức dạy học phù hợp

Để tránh sự nhàm chán trong học tập, tôi linh hoạt sử dụng nhiều hình thức tổ chức khác nhau như: Học cá nhân, học theo cặp, học nhóm, học trong lớp, học ngoài trời, học qua trải nghiệm, học thông qua trò chơi. Tùy từng nội dung bài học mà tôi lựa chọn hình thức phù hợp.

Ví dụ:

- Khi tìm hiểu về cây cối, học sinh được quan sát ngoài sân trường;
- Khi giải quyết tình huống, học sinh làm việc theo nhóm và thảo luận.

Sự thay đổi linh hoạt này giúp: Học sinh hứng thú hơn, tăng sự tương tác, phát huy tính chủ động, tạo không khí học tập sôi nổi.

Bước 3. Kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực

Trong mỗi tiết học, tôi không sử dụng một phương pháp cố định mà kết hợp

nhiều phương pháp phù hợp như: Quan sát, trò chơi, thảo luận nhóm, hỏi đáp, đóng vai, thí nghiệm, giải quyết vấn đề, thực hành trải nghiệm.

Ví dụ: Khi dạy bài “Chức năng một số bộ phận của thực vật”, tôi tổ chức cho học sinh: Quan sát cây thật, làm thí nghiệm theo nhóm, thảo luận kết quả, trình bày nhận xét.

Qua hoạt động này, học sinh được: Trực tiếp trải nghiệm, quan sát hiện tượng, trao đổi ý kiến, rút ra kiến thức.

Việc kết hợp nhiều phương pháp trong một hoạt động giúp tiết học sinh động và phát huy được khả năng của nhiều đối tượng học sinh khác nhau.

Bước 4. Tăng cường trò chơi học tập và hoạt động trải nghiệm

Đặc điểm học sinh lớp 3 là thích vui chơi, khám phá và hoạt động tập thể. Vì vậy, tôi tăng cường sử dụng các trò chơi học tập để tạo không khí nhẹ nhàng, vui vẻ trong giờ học. Một số trò chơi được áp dụng như: Rung chuông vàng, ai nhanh hơn, ô cửa bí mật, tiếp sức, đóng vai xử lý tình huống.

Ví dụ: Trong bài ôn tập chủ đề “Thực vật và động vật”, tôi tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” với hệ thống câu hỏi đa dạng.

Qua trò chơi: Học sinh hào hứng tham gia, mạnh dạn trả lời, ôn tập kiến thức hiệu quả, tăng tinh thần thi đua tích cực.

Ngoài ra, tôi còn tổ chức cho học sinh: Chăm sóc cây, quan sát thiên nhiên, tham gia vệ sinh trường lớp, thực hành bảo vệ môi trường.

Những hoạt động này giúp học sinh: Học mà chơi, chơi mà học, tăng trải nghiệm thực tế, hình thành kỹ năng sống.

Bước 5. Tăng cường tình huống có vấn đề trong dạy học

Trong quá trình dạy học, tôi thường đưa ra các tình huống thực tế để kích thích học sinh suy nghĩ và tìm cách giải quyết.

Ví dụ: Khi dạy bài 26. Xác định các phương trong không gian (Sách giáo khoa Tự nhiên và xã hội 3, trang 102).

Tôi đưa ra cho học sinh xem một đoạn video về xác định phương hướng trong rừng sâu.

Giáo viên yêu cầu học sinh tình huống: Nếu em ở trong rừng mà không có

la bàn để xác định phương hướng em sẽ làm gì và làm như thế nào?

Học sinh được: Dự đoán, trao đổi, đưa ra ý kiến, tìm hiểu bài học để giải quyết vấn đề.

Thông qua các tình huống học tập, học sinh được phát huy tính chủ động, khả năng suy luận và năng lực giải quyết vấn đề.

Bước 6. Động viên và đánh giá học sinh kịp thời

Trong quá trình dạy học, tôi luôn chú trọng: Khen ngợi sự cố gắng; ghi nhận tiến bộ, động viên học sinh còn hạn chế, tạo tâm lý tự tin cho học sinh.

Khi học sinh hoàn thành sản phẩm hoặc tham gia hoạt động, tôi cho học sinh trưng bày sản phẩm, nhận xét ưu điểm, khuyến khích sáng tạo, hướng dẫn nhẹ nhàng những điểm cần cải thiện.

Bước 7. Sử dụng hiệu quả phương tiện và thiết bị dạy học

Tôi tăng cường sử dụng: Tranh ảnh, mô hình, vật thật, video, thí nghiệm, học liệu số, thiết bị trực quan.

Ví dụ: Khi dạy bài “Trái Đất và các đới khí hậu”, tôi sử dụng quả địa cầu để học sinh trực tiếp quan sát hình dạng và vị trí của Trái Đất.

c) Nội dung cải tiến và tính sáng tạo của giải pháp

- Chuyển từ dạy học một chiều sang dạy học phát huy tính tích cực của học sinh;
- Tăng cường trải nghiệm và tương tác trong giờ học;
- Kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp và hình thức tổ chức;
- Tạo môi trường học tập vui vẻ, gần gũi và thân thiện;
- Chú trọng phát triển kỹ năng mềm và phẩm chất cho học sinh;
- Tăng cường các hoạt động gắn với thực tế;
- Khuyến khích học sinh tự khám phá và sáng tạo.
- Giải pháp phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh lớp 3: Thích khám phá, thích hoạt động, thích được khen ngợi, thích học qua trải nghiệm.

d) Vai trò, tác dụng và hiệu quả của giải pháp

- Học sinh yêu thích môn học hơn;
- Không khí lớp học sôi nổi và tích cực;

- Học sinh mạnh dạn phát biểu và tham gia hoạt động;
- Khả năng hợp tác và giao tiếp được nâng cao;
- Các em chủ động tìm tòi, khám phá kiến thức.
- Đặc biệt, nhiều học sinh trước đây còn rụt rè, thiếu tự tin đã tích cực tham gia các hoạt động học tập và mạnh dạn thể hiện ý kiến của mình.

e) Tính ưu việt của giải pháp mới so với giải pháp cũ

Giải pháp cũ	Giải pháp mới
Học sinh học tập thụ động	Học sinh tích cực tham gia hoạt động
Tiết học đơn điệu	Đa dạng hình thức và phương pháp dạy học
Ít trò chơi và trải nghiệm	Tăng cường trò chơi, trải nghiệm thực tế
Học sinh ít tương tác	Học sinh hợp tác và giao tiếp nhiều hơn
Chỉ chú trọng truyền thụ kiến thức	Phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện
Học sinh nhanh chán, ít hứng thú	Không khí học tập vui vẻ, ngày hấp dẫn
Ít vận dụng thực tế	Gắn kiến thức với đời sống hằng

Giải pháp đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, đồng thời tạo cho học sinh niềm yêu thích học tập, phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình lĩnh hội kiến thức.

*** Ưu điểm của các giải pháp:**

Các giải pháp đề xuất có tính khoa học, thực tiễn và phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay, thể hiện qua những ưu điểm nổi bật sau:

- Phù hợp với Chương trình GDPT 2018: Các giải pháp tập trung phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đặc biệt là năng lực tự học, tư duy, giải quyết vấn đề và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Điều này đáp ứng đúng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm.

- Tăng hứng thú và phát huy tính tích cực của học sinh: Thông qua việc ứng

dụng công nghệ, tổ chức trải nghiệm, trò chơi học tập và hoạt động STEM, học sinh được tham gia tích cực vào quá trình học tập, từ đó tạo sự hứng thú, say mê và chủ động trong tiếp nhận kiến thức.

- Tính linh hoạt, dễ áp dụng và nhân rộng: Các biện pháp không đòi hỏi điều kiện quá phức tạp, có thể áp dụng linh hoạt trong nhiều điều kiện dạy học khác nhau, phù hợp với nhiều đối tượng học sinh và dễ dàng triển khai ở các trường tiểu học.

- Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và học liệu sẵn có: Giải pháp tận dụng tối đa thiết bị dạy học, học liệu điện tử, tài nguyên trên internet và môi trường xung quanh, góp phần tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả cao.

- Góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên: Quá trình thực hiện các giải pháp giúp giáo viên đổi mới tư duy dạy học, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ, tổ chức hoạt động trải nghiệm và thiết kế bài học theo hướng phát triển năng lực.

2. Tính mới, tính sáng tạo của các giải pháp mới

2.1. Tính mới của các giải pháp

Trước đây, việc dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học chủ yếu được thực hiện theo hình thức giáo viên giảng giải – học sinh ghi nhớ kiến thức trong sách giáo khoa; hoạt động học tập còn đơn điệu, ít trải nghiệm thực tế, học sinh tiếp thu kiến thức một cách thụ động. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm còn hạn chế, chưa phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh. Các giải pháp trong sáng kiến đã có nhiều điểm mới nổi bật như:

- Đưa học liệu số, sách giáo khoa điện tử, video khoa học, trò chơi học tập trực tuyến vào dạy học nhằm cụ thể hóa kiến thức trừu tượng, tạo môi trường học tập trực quan, sinh động và hiện đại cho học sinh.

- Tổ chức dạy học ngoài không gian lớp học, gắn bài học với môi trường thực tiễn xung quanh học sinh, giúp các em được trực tiếp quan sát, trải nghiệm và khám phá kiến thức từ thực tế.

- Vận dụng phương pháp giáo dục STEM vào môn Tự nhiên và Xã hội lớp

3 nhằm hình thành năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Tăng cường xây dựng các tình huống có vấn đề, trò chơi học tập, hoạt động trải nghiệm và ngoại khóa để kích thích hứng thú học tập, giúp học sinh “học mà chơi – chơi mà học”.

- Chuyển vai trò của giáo viên từ người truyền đạt kiến thức sang người tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ học sinh tự khám phá, tự chiếm lĩnh tri thức.

- Đổi mới hình thức đánh giá theo hướng động viên, khích lệ sự tiến bộ của học sinh, chú trọng đánh giá quá trình học tập thay vì chỉ đánh giá kết quả cuối cùng.

Có thể thấy, tính mới của sáng kiến không chỉ nằm ở việc đổi mới phương pháp dạy học mà còn ở cách tổ chức các hoạt động học tập gắn gũi với cuộc sống, giúp học sinh được học bằng trải nghiệm thực tế, biết vận dụng kiến thức vào đời sống hằng ngày. Qua đó góp phần nâng cao hứng thú học tập, phát triển phẩm chất, năng lực và nâng cao chất lượng môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 trong nhà trường tiểu học hiện nay.

2.2. Tính sáng tạo của các giải pháp

Điểm nổi bật của sáng kiến là giáo viên đã linh hoạt đổi mới cách tổ chức dạy học theo hướng gắn gũi, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm học sinh tiểu học ở địa phương. Các giải pháp không đi theo lối dạy học truyền thống chỉ chú trọng truyền đạt kiến thức mà hướng học sinh đến việc được trực tiếp quan sát, trải nghiệm, thực hành và vận dụng vào cuộc sống hằng ngày.

- Giáo viên biết tận dụng hiệu quả các nguồn học liệu điện tử miễn phí như video khoa học, hình ảnh trực quan, trò chơi học tập trực tuyến để giúp những kiến thức khó trở nên dễ hiểu, sinh động và hấp dẫn hơn đối với học sinh lớp 3.

- Không gian học tập được mở rộng ra ngoài lớp học như sân trường, vườn trường, khu vực xung quanh trường học... giúp các em được học qua thực tế, được quan sát cây cối, môi trường, con người xung quanh thay vì chỉ tiếp cận kiến thức qua sách vở.

- Việc đưa giáo dục STEM vào môn Tự nhiên và Xã hội được thực hiện

theo hướng nhẹ nhàng, phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học. Các em được tự tay làm thí nghiệm đơn giản, tạo sản phẩm học tập và giải quyết các tình huống gần gũi trong cuộc sống.

- Giáo viên đã khéo léo kết hợp nhiều hình thức tổ chức học tập như trò chơi, hoạt động nhóm, đóng vai, xử lý tình huống, trải nghiệm thực tế... giúp tiết học trở nên tự nhiên, sôi nổi và tạo được hứng thú cho học sinh.

- Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường nông thôn, tận dụng được đồ dùng sẵn có, vật liệu quen thuộc, dễ tìm nhưng vẫn mang lại hiệu quả cao trong dạy học.

- Việc đổi mới cách nhận xét, động viên học sinh cũng tạo được tâm lý thoải mái, giúp các em mạnh dạn tham gia hoạt động học tập, tự tin chia sẻ ý kiến và tích cực hơn trong mỗi giờ học.

Nhờ những cách làm linh hoạt và phù hợp với thực tiễn đó, học sinh không còn cảm thấy môn Tự nhiên và Xã hội là môn học khô khan mà trở nên yêu thích, hào hứng tham gia các hoạt động học tập. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng môn học và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.

3. Khả năng nhân rộng của sáng kiến

Sáng kiến “Một số biện pháp giúp học sinh học tốt môn Tự nhiên và Xã hội 3 chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo hướng ứng dụng, trải nghiệm, sáng tạo” có tính thực tiễn cao, phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học hiện đại và có khả năng áp dụng, nhân rộng trên phạm vi rộng trong các trường tiểu học.

- Tính linh hoạt và dễ áp dụng: Các biện pháp trong sáng kiến được xây dựng dựa trên yêu cầu của chương trình GDPT 2018, chú trọng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống. Nội dung sáng kiến có thể dễ dàng áp dụng tại mọi trường tiểu học.

- Phù hợp với đặc điểm tâm lý và năng lực học sinh tiểu học: Học sinh lớp 3 có đặc điểm ham tìm tòi, thích hoạt động và trải nghiệm. Các biện pháp của sáng kiến giúp học sinh được “học mà chơi, chơi mà học”, từ đó phát huy tính chủ

động, sáng tạo và rèn kỹ năng quan sát, hợp tác giải quyết vấn đề. Chính vì vậy, sáng kiến có thể áp dụng không chỉ cho môn Tự nhiên và xã hội lớp 3 mà còn mở rộng cho các khối lớp khác hoặc các môn học có nội dung gần gũi với đời sống.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của các nhà trường: Các hoạt động trong sáng kiến tận dụng tối đa cơ sở vật chất, thiết bị hiện có của nhà trường. Giáo viên có thể tự thiết kế hoạt động học tập trải nghiệm phù hợp với hoàn cảnh địa phương. Điều này giúp sáng kiến có tính khả thi cao và dễ triển khai

- Dễ dàng nhân rộng trong cộng đồng giáo dục: Sáng kiến có thể được nhân rộng thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên đề hoặc thao giảng cấp trường, cấp huyện. Giáo viên có thể học tập, chia sẻ và vận dụng linh hoạt các biện pháp dạy học trải nghiệm, ứng dụng vào bài dạy của mình.

Không chỉ áp dụng hiệu quả đối với môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, các giải pháp của sáng kiến còn có thể mở rộng sang các khối lớp khác ở cấp tiểu học hoặc vận dụng trong nhiều môn học có nội dung gần với thực tiễn như Khoa học, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Tin học,... Đặc biệt, các hình thức dạy học trải nghiệm, học tập thông qua trò chơi, STEM và hoạt động ngoài lớp học đều là những phương pháp mang tính liên môn, phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại hiện nay.

Như vậy, sáng kiến có tính khả thi cao, dễ áp dụng trong thực tế giảng dạy, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. Việc nhân rộng sáng kiến sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội nói riêng, đồng thời thúc đẩy phong trào đổi mới, sáng tạo trong các nhà trường tiểu học, đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

4. Hiệu quả áp dụng, lợi ích thu được từ sáng kiến

4.1. Hiệu quả về mặt khoa học

Sau thời gian áp dụng sáng kiến, chất lượng dạy và học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 đã có sự chuyển biến rõ rệt. Giáo viên đã đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phù hợp với định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Việc kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học như ứng dụng công nghệ thông

tin, tổ chức hoạt động trải nghiệm, trò chơi học tập, dạy học STEM và học ngoài không gian lớp học đã giúp tiết học trở nên sinh động, gần gũi và hấp dẫn hơn. Những kiến thức trừu tượng được cụ thể hóa bằng hình ảnh, video, mô hình và hoạt động thực hành nên học sinh dễ hiểu, dễ nhớ và biết vận dụng vào thực tế cuộc sống.

Trong quá trình học tập, học sinh tích cực tham gia xây dựng bài, mạnh dạn trao đổi ý kiến, biết hợp tác khi làm việc nhóm và chủ động tìm tòi kiến thức. Không khí lớp học trở nên sôi nổi, tự nhiên hơn, học sinh yêu thích môn học và có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào đời sống hằng ngày.

Thông qua các hoạt động học tập, học sinh còn được rèn luyện nhiều năng lực và phẩm chất quan trọng như: năng lực giao tiếp, hợp tác, quan sát, giải quyết vấn đề, tự học và ý thức bảo vệ môi trường. Điều đó cho thấy các giải pháp của sáng kiến có tính khoa học, phù hợp với thực tiễn dạy học tiểu học và mang lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao chất lượng môn học.

4.2. Hiệu quả về mặt kinh tế

Sáng kiến có tính khả thi cao và không đòi hỏi đầu tư nhiều kinh phí trong quá trình triển khai. Giáo viên chủ yếu tận dụng cơ sở vật chất, thiết bị sẵn có của nhà trường như máy chiếu, ti vi, tranh ảnh, mô hình học tập, kết hợp khai thác nguồn học liệu điện tử miễn phí trên Internet để xây dựng bài giảng.

Các hoạt động trải nghiệm ngoài lớp học được tổ chức ngay trong khuôn viên trường hoặc tại môi trường gần gũi xung quanh địa phương nên không phát sinh thêm nhiều chi phí cho nhà trường và phụ huynh học sinh. Ngoài ra, nhiều đồ dùng học tập được giáo viên và học sinh tự làm từ nguyên vật liệu tái chế, dễ tìm, giá thành thấp nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả sử dụng.

Việc học sinh hiểu bài nhanh hơn, ghi nhớ lâu hơn cũng giúp giáo viên giảm thời gian củng cố, ôn tập lặp lại kiến thức. Học liệu điện tử, trò chơi học tập và các sản phẩm STEM sau khi xây dựng có thể tái sử dụng trong nhiều năm học tiếp theo, góp phần tiết kiệm thời gian và công sức cho giáo viên.

Như vậy, sáng kiến vừa đảm bảo hiệu quả giáo dục, vừa tiết kiệm chi phí, phù hợp với điều kiện thực tế của các trường tiểu học hiện nay.

4.3. Hiệu quả xã hội

Sáng kiến mang lại nhiều tác động tích cực đối với học sinh, giáo viên, phụ huynh và nhà trường.

Đối với học sinh, các em trở nên mạnh dạn, tự tin và yêu thích môn học hơn. Thông qua các hoạt động trải nghiệm, thực hành và học tập theo nhóm, học sinh hình thành ý thức hợp tác, chia sẻ và có trách nhiệm hơn trong học tập. Các em biết vận dụng kiến thức vào thực tế đời sống như chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh cá nhân và ứng xử phù hợp với các tình huống trong cuộc sống hằng ngày.

Đối với giáo viên, sáng kiến góp phần thúc đẩy việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực chuyên môn, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sự linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Giáo viên chủ động hơn trong việc thiết kế bài học, tạo môi trường học tập tích cực và phát huy được vai trò trung tâm của học sinh.

Đối với phụ huynh, sáng kiến tạo được sự đồng thuận và phối hợp tích cực trong việc giáo dục học sinh. Nhiều phụ huynh quan tâm hơn tới việc học của con, tích cực hỗ trợ các hoạt động trải nghiệm và thực hành tại nhà.

Đối với nhà trường, sáng kiến góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực và thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo trong dạy học. Những kết quả đạt được của sáng kiến có thể làm cơ sở để triển khai rộng rãi trong tổ chuyên môn, trong nhà trường và các đơn vị giáo dục tiểu học khác.

Có thể khẳng định rằng, sáng kiến đã tạo được bước chuyển biến rõ rệt cả về chất lượng dạy học lẫn hứng thú học tập của học sinh. Các giải pháp đưa ra không chỉ mang tính thực tiễn cao mà còn có giá trị lâu dài, phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục hiện nay và có khả năng nhân rộng trong các trường tiểu học trên địa bàn huyện, tỉnh và toàn quốc.

4.4. Các hiệu quả khác

Sáng kiến góp phần thúc đẩy phong trào đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường; tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc

giáo dục học sinh. Đồng thời, tạo tiền đề để nhân rộng mô hình dạy học theo hướng ứng dụng, trải nghiệm, sáng tạo ở các khối lớp và môn học khác, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

4.5. Bảng số liệu

Nội dung khảo sát	Trước khi áp dụng sáng kiến	Sau khi áp dụng sáng kiến	Mức thay đổi
Tổng số học sinh khảo sát	32 học sinh	32 học sinh	Không đổi
Học sinh tích cực, hứng thú học tập	10 học sinh (31,25%)	30 học sinh (93,75%)	Tăng 20 học sinh (tăng 62,5%)
Học sinh học tập thụ động	21 học sinh (65,63%)	2 học sinh (6,25%)	Giảm 19 học sinh (giảm 59,38%)
Học sinh không thích học môn Tự nhiên và Xã hội	1 học sinh (3,12%)	0 học sinh (0%)	Giảm hoàn toàn
Mức độ tham gia hoạt động nhóm, trải nghiệm	Học sinh còn rụt rè, ít hợp tác	Học sinh mạnh dạn, chủ động, hợp tác tốt	Chuyển biến rõ rệt
Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế	Còn hạn chế, lúng túng	Biết vận dụng vào học tập và đời sống	Nâng cao rõ rệt
Không khí giờ học	Trầm, ít sôi nổi	Sôi nổi, hào hứng, tích cực	Thay đổi tích cực
Việc ứng dụng CNTT và học liệu số	Chưa thường xuyên	Được sử dụng linh hoạt, hiệu quả	Đổi mới rõ nét
Hiệu quả sử dụng đồ dùng, học liệu	Phụ thuộc nhiều vào SGK	Tận dụng học liệu điện tử, đồ dùng	Tiết kiệm, hiệu quả hơn

		tái chế, STEM	
Vai trò của giáo viên	Chủ yếu truyền đạt kiến thức	Tổ chức, hướng dẫn học sinh khám phá	Phù hợp định hướng GDPT 2018

D. PHẦN KẾT LUẬN

1. Vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của sáng kiến

Sáng kiến đã góp phần làm rõ vai trò và ý nghĩa của việc đổi mới phương pháp dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 theo hướng ứng dụng, trải nghiệm và sáng tạo. Việc triển khai các giải pháp đã giúp nâng cao chất lượng dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, đồng thời hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Sáng kiến không chỉ có giá trị trong phạm vi lớp học mà còn có ý nghĩa thực tiễn đối với việc đổi mới dạy học ở cấp tiểu học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

2. Bài học kinh nghiệm

Qua quá trình nghiên cứu và áp dụng sáng kiến vào thực tế giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, bản thân tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm sau: Giáo viên cần nắm vững mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình Giáo dục phổ thông 2018 để lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng bài học và đối tượng học sinh. Muốn học sinh hứng thú học tập, giáo viên phải tạo được môi trường học tập thân thiện, tích cực, giúp học sinh được tham gia trải nghiệm, thực hành và chủ động khám phá kiến thức thay vì tiếp thu thụ động. Việc kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học như trò chơi học tập, hoạt động nhóm, STEM, học ngoài không gian lớp học và ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp tiết học sinh động, gần gũi và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức cho học sinh. Giáo viên cần tăng cường sử dụng đồ dùng trực quan, học liệu số, video, hình ảnh và các tình huống thực tế để cụ thể hóa những kiến thức trừu tượng, giúp học sinh dễ hiểu, dễ nhớ và biết vận dụng vào cuộc sống. Trong quá trình dạy học cần chú ý động viên, khích lệ kịp thời sự tiến bộ của học sinh để tạo sự tự tin, mạnh dạn và hình thành niềm yêu thích môn học cho các em. Việc phối hợp giữa

giáo viên, nhà trường và phụ huynh có vai trò rất quan trọng trong việc giúp học sinh hình thành thói quen học tập tích cực và biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn hằng ngày. Giáo viên cần thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, mạnh dạn đổi mới và sáng tạo trong quá trình giảng dạy để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Những bài học kinh nghiệm trên là cơ sở quan trọng giúp bản thân tôi tiếp tục hoàn thiện phương pháp giảng dạy, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.

3. Đề xuất một số kiến nghị

- Nhà trường cần tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và tạo điều kiện cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.
- Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học để giáo viên có cơ hội trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.
- Khuyến khích giáo viên mạnh dạn áp dụng các hình thức dạy học trải nghiệm, STEM và hoạt động ngoài lớp học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.
- Phụ huynh cần phối hợp chặt chẽ với giáo viên trong việc hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống hằng ngày.

*** Cam kết không sao chép, vi phạm bản quyền**

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong Đơn là trung thực, đúng sự thật, không sao chép, vi phạm bản quyền và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

Vũ Thị Hương

